TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/KDTM-PT
Ngày: 25-6-2018
Về việc: Tr/ch hợp đồng
giao nhận khoán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Châu
Ông Nguyễn Thành Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Ông Vũ Duyên Trường – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 05-6-2018 và ngày 25-6-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2018/TLPT-KDTM ngày 07-3-2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng giao nhận khoán gọn"; Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 23-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2017/QĐ-PT ngày 14-5-2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 09/2018/QĐPT-KDTM ngày 05-6-2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Quốc H, sinh năm 1975 *(vắng mặt);*
Địa chỉ: đường A, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
Người đại diện hợp pháp:

- Bà Nguyễn Thu T, sinh năm 1986 – là người đại diện theo ủy quyền, Hợp đồng ủy quyền lập ngày 16-4-2018; Địa chỉ: khu Đ, xã Q, huyện S, tỉnh Phú Phọ *(có mặt);*

- Bà Phan Thị Thùy D, sinh năm 1994 – là người đại diện theo ủy quyền, Giấy ủy quyền lập ngày 03-4-2018; Địa chỉ: đường L, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1974 – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu *(vắng mặt)*.

2. Bị đơn: Công ty B.
Địa chỉ: đường Đ, phường V, quận B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu P-Tổng Giám đốc *(vắng mặt)*;

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Khắc L, sinh năm 1954 – là người đại diện theo ủy quyền, giấy ủy quyền lập ngày 01-6-2018 *(có mặt);*

Địa chỉ: đường L, phường N, quận H, thành phố Hà Nội.

3. Người làm chứng:

- Ông Phạm Hữu L, sinh năm 1980 *(vắng mặt)*.
Địa chỉ: đường N, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

- Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1997*(vắng mặt)*.
Địa chỉ: đường A, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1973 *(vắng mặt)*.
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1970 *(vắng mặt)*.
Địa chỉ: xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Phạm Bá H, sinh năm 1973 *(vắng mặt)*.
Địa chỉ: đường A, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1965 *(vắng mặt)*.
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn là Công ty B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Vũ Quốc H và đại diện hợp pháp của ông H trình bày:

Ngày 08 tháng 8 năm 2016, ông Vũ Quốc H và Công ty B có ký hợp đồng giao nhận khoán gọn khối lượng số 01/2016/HDDGNKGKL. Nội dung của hợp đồng như sau: Công ty B giao cho ông Vũ Quốc H thực hiện việc thanh thải, phá dỡ tàu cẩu Wealthy Globe "OHI 5000" tại khu vực bến, bãi và vùng nước phía trước cảng Gemalik thuộc sở hữu của Công ty cổ phần cảng Cái Mép – Termina link (xã P, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

Để thực hiện công việc trên ông H phải lập phương án thanh thải, phá dỡ tàu cẩu, đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường; phải huy động công nhân, máy móc, thiết bị và phương tiện; phải thanh thải tàu cẩu theo kích thước, chủng loại sản phẩm theo yêu cầu của Công ty B…. Thời gian thực hiện công việc là 10 tháng kể từ ngày thi công. Tiến độ chia theo từng tháng: tháng thứ nhất là 1.500 tấn, từ tháng thứ 2 đến tháng thứ 9 mỗi tháng là 2.000 tấn và tháng thứ 10 là 2.500 tấn. Giá trị của hợp đồng là 10.200.000.000 đồng. Phương thức thanh toán theo tiến độ từng tháng. Ngoài ra còn một số thỏa thuận khác.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ông H đã thực hiện đúng những nội dung của hợp đồng. Tuy nhiên vì lý do con tàu chìm dưới nước nên trong quá trình thực hiện

vẫn có một số vi phạm về khối lượng thanh thải, mặc dù vậy, Công ty B cũng chấp nhận vì đây là yếu tố khách quan. Giữa các bên đã có các biên bản làm việc nhưng chỉ mang tính chất đôn đốc và chia sẻ. Chính vì thế nên ngày 11-02-2017, Công ty B và ông H tiếp tục ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá trị hợp đồng từ 10.200.000.000 đồng lên 10.900.000.000 đồng và kéo dài thời hạn thanh thải, phá dỡ con tàu đến ngày 31-8-2017.

Từ ngày 16-8-2016 đến ngày 17-5-2017 ông H đã thực hiện được 75,3% khối lượng, tiến độ công việc phá dỡ con tàu, không có vi phạm nội dung của hợp đồng. Phía Công ty B đã giao cho ông H số tiền 4.911.870.000 đồng, trong đó có 4.500.000.000 đồng thanh toán chi phí cắt dỡ tàu và 411.870.000đ là chi phí khác Công ty B ứng chi hộ.

Nhưng ngày 17-05-2017, bà Nguyễn Thị Thu P là người đại diện theo Pháp luật của Công ty B ký thông báo số 05/2017/BSV/KT chấm dứt hợp đồng với ông H và gửi Thông báo này cho ông H, yêu cầu ông H chấp hành thông báo; Nội dung thông báo chỉ nêu do ông H vi phạm các điều khoản hợp đồng và phụ lục hợp đồng.

Việc Công ty B đơn phương chấm dứt hợp đồng là trái quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của các bên, xâm phạm đến quyền và lợi ích của ông H. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Công ty B phải bồi thường số tiền: 10.900.000.000 đồng – 4.911.870.000 đồng = 5.988.130.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Vũ Quốc H thay đổi yêu cầu khởi kiện, giảm số tiền yêu cầu Công ty B bồi thường từ 5.988.130.000 đồng xuống còn 3.988.130.000 đồng.

Bị đơn là Công ty B và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày và có yêu cầu phản tố:

Bị đơn xác nhận việc ký kết hợp đồng, nội dung trong hợp đồng đúng như nguyên đơn trình bày.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông H không thực hiện đúng tiến độ như cam kết trong hợp đồng, điều này được thể hiện bằng việc hai bên đã lập hai biên bản làm việc vào tháng 10 năm 2016 và tháng 12 năm 2016 với nội dung yêu cầu ông H đẩy nhanh tiến độ, nếu tiếp tục vi phạm bên ông H sẽ phải chịu phạt 10.000.000 đồng một ngày và Công ty B sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông H.

Do phía ông H chậm tiến độ và để tạo điều kiện cho ông H thì Công ty B ký tiếp một phụ lục hợp đồng số 01 ngày 11-02-2017 cho ông H nhằm kéo dài thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 31-8-2017 và tăng thêm giá trị của hợp đồng từ 10.200.000.000đ lên 10.900.000.000đ, với điều kiện ông H thực hiện đúng tiến độ.

Tuy nhiên, sau đó ông H tiếp tục chậm tiến độ. Vì theo phụ lục hợp đồng thì đến tháng 5/2017 ông H phải tháo dỡ được 15.000 tấn trên tổng số lượng 20.000 tấn theo hợp đồng, nhưng ông H mới chỉ phá dỡ, thanh thải được 6.700 tấn, trong đó khối lượng cắt dỡ hoàn thành là 6.000 tấn và khối lượng cắt dỡ để trên bãi là 700 tấn (trong đó có 5.000 tấn được thông quan). Như vậy, ông H mới hoàn thành được 44,67%

(6.700 tấn/15.000 tấn) khối lượng công việc tối thiểu cam kết. Khối lượng chưa hoàn thành là 8.300 tấn tương đương chậm tiến độ 5 tháng.

Việc ông H chậm tiến độ đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty B buộc Công ty phải thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông H vào ngày 17-5-2017 và cho ông H thời hạn 5 ngày để bàn giao và quyết toán hợp đồng.

Tính theo khối lượng thực tế mà ông H đã tháo dỡ được thì Công ty B phải trả cho ông H số tiền: 6.700tấn x 510.000đ/tấn (10.200.000.000đ : 20 tấn) = 3.417.000.000đ. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B đã thanh toán, tạm ứng cho ông H tổng số tiền: 4.911.870.000đ. Như vậy Công ty B đã thanh toán và tạm ứng dư cho ông H số tiền 1.494.870.000 đồng.

Do vậy, công ty B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quốc H và có yêu cầu phản tố như sau: Buộc ông H phải hoàn trả cho Công ty B số tiền ứng dư là 1.494.870.000 đồng và phải bồi thường cho Công ty B do ông H chậm tiến độ là 10.000.000 đồng/ngày, trong 5 tháng nên ông H phải bồi thường cho Công ty B số tiền 10.000.000 đồng x 150 ngày = 1.500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho Công ty B rút phần yêu cầu buộc ông H phải bồi thường khoản tiền 1.500.000.000 đồng do bị phạt vì chậm tiến độ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 23-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quốc H khởi kiện Công ty B về việc "Tranh chấp hợp đồng giao nhận khoán gọn"; Buộc Công ty B phải bồi thường thiệt hại cho ông Vũ Quốc H do việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng không có căn cứ pháp luật số tiền là 3.988.130.000đ (ba tỷ chín trăm tám mươi tám triệu một trăm ba mươi ngàn đồng);

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty B đối với ông Vũ Quốc H về yêu cầu hoàn trả số tiền thanh toán tạm ứng dư 1.494.870.000đ (Một tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng);

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty B về yêu cầu buộc ông H phải bồi thường khoản tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) do bị phạt vì chậm tiến độ;

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Kháng cáo: Ngày 26-01-2018, bị đơn là Công ty B nộp đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết các vấn đề sau:

1. Yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quốc H đối với Công ty B.

2. Buộc ông Vũ Quốc H: hoàn trả số tiền tạm ứng dư là 1.494.870.000đ và bồi thường số tiền do chậm tiến độ hợp đồng là 1.500.000.000đ cho Công ty B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Đại diện hợp pháp của Công ty B đã rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc đòi ông H bồi thường số tiền do chậm tiến độ hợp đồng là 1.500.000.000đ.

2. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thu T và của bị đơn là ông Ngô Khắc L đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

- Công ty B thanh toán cho ông Vũ Quốc H số tiền là 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng). Việc thanh toán số tiền này thực hiện theo ba đợt, cụ thể như sau:

+ Đợt 1: Thanh toán 600.000.000 (Sáu trăm triệu đồng) chậm nhất vào ngày 03 tháng 7 năm 2018.

+ Đợt 2: Thanh toán 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng) chậm nhất vào ngày 28 tháng 7 năm 2018.

+ Đợt 3: Thanh toán 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng) chậm nhất vào ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Trong trường hợp Công ty B không thanh toán đúng với thời gian như đã nêu trên thì ông Vũ Quốc H được quyền yêu cầu thi hành án kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2018.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Tổng cộng là 60.000.000 (Sáu mươi triệu đồng), mỗi bên tự nguyện chịu 50%, cụ thể:

+ Công ty B chịu 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng).

+ Ông Vũ Quốc H chịu 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng).

- Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 (Hai triệu đồng) do Công ty B chịu toàn bộ.

3. Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Một số người tham gia tố tụng là ông Vũ Quốc H, người đại diện hợp pháp thứ 2 của ông H là bà Phan Thị Thùy D, luật sư của ông H là ông Nguyễn Hải Đ và những người làm chứng vắng mặt nhưng đủ điều kiện để xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 và 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đại diện hợp pháp của Công ty B tại phiên tòa phúc thẩm tự nguyện rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc đòi ông H bồi thường số tiền do chậm tiến độ hợp đồng là 1.500.000.000đ. Việc rút một phần yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần này theo quy định của Khoản 3 Điều 284, Khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của ông H và của Công ty B đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như đã nêu trên. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điểm đ Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 2 Điều 229, Khoản 3 Điều 284, Khoản 3 Điều 289, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 74 Luật Thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của Công ty B: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu kháng cáo về việc đòi ông H bồi thường số tiền do chậm tiến độ hợp đồng là 1.500.000.000đ.

2. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Công ty B; Sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 21-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện T, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Công ty B thanh toán cho ông Vũ Quốc H số tiền là 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng). Việc thanh toán số tiền này thực hiện theo ba đợt, cụ thể như sau:

+ Đợt 1: Thanh toán 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) chậm nhất vào ngày 03 tháng 7 năm 2018.

+ Đợt 2: Thanh toán 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) chậm nhất vào ngày 28 tháng 7 năm 2018.

+ Đợt 3: Thanh toán 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) chậm nhất vào ngày 23 tháng 8 năm 2018.

- Trường hợp Công ty B không thanh toán đúng với thời gian như đã nêu trên thì ông Vũ Quốc H được quyền yêu cầu thi hành án kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2018.

- Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty B không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty B còn phải trả cho ông H khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Tổng cộng là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), mỗi bên tự nguyện chịu 50%, cụ thể:

+ Công ty B chịu 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008098 ngày 17-10-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T. Công ty B được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng).

+ Ông Vũ Quốc H chịu 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 55.079.000đ (Năm mươi lăm triệu không trăm bảy mươi chín ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005574 ngày 13-7-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T. Ông H được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 25.079.000đ (Hai mươi năm triệu không trăm bảy mươi chín ngàn đồng).

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là: 2.000.000đ (Hai triệu đồng) do Công ty B chịu toàn bộ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000608 ngày 26-01-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T. Công ty B đã nộp xong.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (25-6-2018).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÀO THỊ HUỆ